DẠNG CÂU HỎI VỀ TRẬT TỰ TỪ

📘 1.2. Dạng câu hỏi về TRẬT TỰ TỪ

➢ Dạng này đề bài sẽ cho trước 4 phương án mà có các từ giống nhau nhưng được sắp xếp khác nhau về vị trí của từ.

❖ Cách làm dạng bài này như sau:

📝 Chọn một phương án để xét từ loại và nghĩa của các từ rồi áp dụng các quy tắc về trật tự từ ở mục 1.1.

📝 Căn cứ theo quy tắc tính từ đặt trước danh từ hoặc cụm danh từ. Trong trường hợp có nhiều hơn một tính từ thì áp dụng quy tắc về trật tự tính từ.

❖ Quy tắc đó như sau:

Khi dùng từ 2 tính từ trở lên để miêu tả cho một danh từ, nếu các tính từ cùng loại thì ta phân cách chúng bằng dấu phẩy, còn nếu khác loại thì ta xếp chúng cạnh nhau.

Trật tự các tính từ được quy định theo thứ tự sau:

OSASCOMP

Opinion – **S**ize – **A**ge – **S**hape – **C**olor – **O**rigin – **M**aterial – **P**urpose

📘 **Trong đó:**

- **Từ nhận xét (Opinion):**

Useful (hữu ích), *beautiful* (đẹp), *interesting* (thú vị), *lovely* (đáng yêu), *delicious* (ngon miệng), *handsome* (đẹp trai), *glorious* (lộng lẫy), *luxurious* (sang trọng)...

- **Kích cỡ (Size):**

big (to), *small* (nhỏ), *large* (lớn), *huge* (khổng lồ), *tiny* (bé xíu), *long* (dài), *short* (ngắn), *tall* (cao)...

- **Tuổi tác (Age):**

old (già, cũ), *young* (trẻ), *new* (mới), *brand-new* (mới toanh), *ancient* (cổ đại), *modern* (hiện đại)...

- **Hình dáng (Shape):**

round (tròn), *triangle* (tam giác), *cubic* (hình hộp), *heart-shaped* (hình trái tim), *flat* (bằng phẳng), *square* (hình vuông)...

- **Màu sắc (Color):**

black (đen), *red* (đỏ), *white* (trắng), *blue* (xanh), *yellow* (vàng), *cream* (màu kem), *violet* (tím), *purple* (đỏ tía), *navy blue* (xanh hải quân), *magenta* (đỏ thẫm), *brick red* (đỏ gạch), *emerald* (xanh ngọc), *jet black* (đen nhánh)...

• **Nguồn gốc (Origin):**
Vietnamese, *English*, *Indian*, *Thai*, *German*, *American*, ...
• **Chất liệu (Material):**
Silk (lụa), *gold* (vàng), *silver* (bạc), *wooden* (gỗ), *metal* (kim loại), *plastic* (nhựa), *leather* (da), *glass* (thủy tinh), *concrete* (bê tông), *ivory* (ngà)...
• **Mục đích (Purpose):**
sitting, *sleeping*, *wedding*, *waiting*...
📌 **Ví dụ:**
A brand-new black Japanese car
(*Một chiếc ô tô Nhật màu đen mới toanh*)
Trong trường hợp có nhiều hơn một danh từ thì áp dụng quy tắc:
danh từ + danh từ → cụm danh từ
📍 **Ví dụ:**
Câu hỏi:
Are these the questions that you often ask yourself before a _____?
A. long journey plane **B.** long plane journey
C. plane long journey **D.** journey long plane
🔍 **Lời giải chi tiết:**
✪ **Kiến thức về trật tự từ:**
Ta có cụm danh từ: *plane journey* (chuyến đi bằng máy bay)
→ Ta có quy tắc: tính từ đứng trước danh từ → tính từ "long" phải đứng trước cụm danh từ “plane journey”.
✅ Ta có trật tự đúng: **long plane journey**
✦ **Tạm dịch:**
Are these the questions that you often ask yourself before a long plane journey?
(*Đây có phải là những câu hỏi mà bạn thường tự hỏi mình trước một chuyến bay dài không?*)
➡ Do đó, **B** là đáp án phù hợp.
📘 **BÀI TẬP VẬN DỤNG:**
Mark the letter A, B, C, or D to indicate the best answer to each of the following questions.
Question 1: This book presents a(n) _____ of life in a remote village.
A. account authentic personal **B.** personal authentic account
C. authentic personal account **D.** authentic account personal
Question 2: After the natural disaster, volunteers helped establish a _____ for the survivors.

A. temporary field hospital **B.** temporary hospital field
C. field hospital temporary **D.** field temporary hospital

Question 3: The _____ sacrificed everything for his country's freedom.
A. national brave hero **B.** brave hero national
C. hero brave national **D.** brave national hero

Question 4: Thanks to advanced technology, the _____ has revolutionized the way movies are made.
A. film modern industry **B.** modern film industry
C. modern industry film **D.** industry modern film

Question 5: The _____ made it difficult for us to enjoy the rides without waiting in long lines.
A. crowded park theme **B.** theme park crowded
C. crowded theme park **D.** theme crowded park

Question 6: _____ is much more popular in Southeast Asian countries than in other parts of the world.
A. Traditional bamboo dancing **B.** Traditional dancing bamboo
C. Bamboo traditional dancing **D.** Dancing traditional bamboo

Question 7: Joining _____ can help students develop problem-solving skills.
A. extracurricular challenging activities **B.** challenging activities extracurricular
C. activity challenging extracurriculars **D.** challenging extracurricular activities

Question 8: Some _____ have started offering healthier options to attract more health-conscious customers.
A. chains fast food **B.** fast food chains **C.** food chains fast **D.** fast chains food

Question 9: The _____ made it much harder for the tourists to communicate with the locals.
A. language persistent barrier **B.** language barrier persistent
C. persistent language barrier **D.** persistent barrier language

Question 10: I was surprised to find a _____ that serves freshly brewed coffee.
A. high-tech vending machine **B.** vending high-tech machine
C. high-tech machine vending **D.** vending machine high-tech

Question 11: _____ is becoming a serious environmental problem in many urban areas.
A. Household excessive waste **B.** Excessive household waste
C. Waste excessive household **D.** Excessive waste household

Question 12: The government hired a(n) _____ to design the new residential area.
A. highly experienced urban planner **B.** experienced highly urban planner

C. highly urban experienced planner **D.** urban highly experienced planner

Question 13: Jogging in the park has become a _____ for people of all ages.

A. leisure popular activity **B.** leisure activity popular

C. popular activity leisure **D.** popular leisure activity

Question 14: The organization is looking for _____ to assist with crowd management.

A. reliable volunteer events **B.** volunteers reliable event

C. reliable event volunteers **D.** event reliable volunteers

Question 15: _____ is being widely used in modern security systems.

A. Advanced facial recognition technology **B.** Advanced facial technology recognition

C. Recognition technology advanced facial technology **D.** Facial recognition advanced technology

Question 16: Developing _____ helps individuals make better decisions.

A. independent thinking critical skills **B.** critical independent thinking skills

C. critical thinking independent skills **D.** independent critical thinking skills

Question 17: _____ programs can significantly improve academic performance.

A. Well-structured learning personalized **B.** Well-structured personalized learning

C. Personalized well-structured learning **D.** Learning well-structured personalized

Question 18: My father just bought a _____ that fits perfectly in his pocket.

A. electronic compact device **B.** electronic device compact

C. compact electronic device **D.** compact device electronic

Question 19: The consequences of _____ can be devastating for ecosystems.

A. uncontrolled illegal hunting **B.** uncontrolled hunting illegal

C. illegal hunting uncontrolled **D.** hunting uncontrolled illegal

Question 20: Deforestation has resulted in _____ for countless species.

A. habitat massive loss **B.** loss massive habitat

C. massive loss habitat **D.** massive habitat loss

Read the following advertisements and mark the letter A, B, C or D to indicate the option that best fits each of the numbered blanks.

In today's competitive job market, having (**1**) _____ is just as important as technical expertise. Employers often look for candidates who demonstrate (**2**) _____ and a commitment to professional growth. During the (**3**) _____, candidates need to showcase not only their qualifications but also their problem-solving abilities and communication skills. A (**4**) _____ can open many doors, but success ultimately depends on how well one navigates their (**5**) _____. It's crucial to adapt to new trends, continuously learn, and build connections to achieve long-term success.

Question 1: **A.** strong soft skills **B.** strong skills soft
C. soft strong skills **D.** soft skills strong
Question 2: **A.** career clear goals **B.** clear goals career
C. clear career goals **D.** career goals clear
Question 3: **A.** challenging process application process **B.** challenging application process
C. application process challenging process **D.** application challenging process
Question 4: **A.** university valuable degree **B.** valuable degree university
C. degree valuable university **D.** valuable university degree
Question 5: **A.** career dynamic path **B.** dynamic career path
C. career path dynamic **D.** dynamic path career

Culture is an essential part of every society, shaping people's beliefs, values, and traditions. A (**6**) _____ allows individuals to connect with their ancestors and appreciate their historical background. In many countries, traditional festivals play a (**7**) _____, bringing families and communities together. For example, the Lunar New Year in several Asian countries is a (**8**) _____ where people exchange gifts and share festive meals. Moreover, different cultures influence each other through globalization, leading to a fascinating mix of traditions. However, preserving cultural identity in a modern world can be challenging. Younger generations often adopt (**9**) _____, sometimes forgetting their authentic cultural roots. Therefore, it is crucial to promote cultural awareness through education, media, and public events. A (**10**) _____ helps people develop respect for others and fosters a more inclusive society.

Question 6: **A.** cultural rich heritage **B.** rich heritage cultural
C. rich cultural heritage **D.** heritage rich cultural
Question 7: **A.** significant social role **B.** social significant role
C. role significant social **D.** significant role social
Question 8: **A.** family joyful occasion **B.** joyful family occasion
C. occasion joyful family **D.** joyful occasion family
Question 9: **A.** lifestyle trends foreign **B.** foreign trends lifestyle
C. lifestyle foreign trends **D.** foreign lifestyle trends

Question 10: **A.** diverse cultural environment **B.** cultural diverse environment
C. diverse environment cultural **D.** cultural environment diverse